TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 21-5-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thuận

2. Bà Bùi Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa*:* Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2021/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Kim A, sinh năm: 1986; Địa chỉ: khu phố Lộc A, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trần T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: khu phố Lộc A, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/4/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trương Thị Kim A trình bày:

Bà A và ông Trần T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, bỏ mặc bà A tự xoay sở từ kinh tế đến con cái. Ông T còn cờ bạc, rượu chè, mải ham chơi, thiếu trách nhiệm với gia đình. Tình trạng trên kéo dài mà không

thể giải quyết được nên thường xảy ra mâu thuẫn ngày càng lớn hơn. Bà A đã cho ông T rất nhiều cơ hội nhưng ông T vẫn không sửa đổi.

Hiện nay, tuy vẫn sống chung nhà nhưng ông bà đã ly thân từ năm 2018, không ai còn quA tâm gì đến nhau về tình cảm lẫn như cuộc sống thường ngày. Nhận thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Trần H, sinh ngày 28/3/2016 và Trần Kim T1, sinh ngày 29/8/2018 hiện sống cùng bà A. Bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Trần T:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T được biết. Trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

- Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng các quy định về thủ tục tố tụng được quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị vẫn tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu của bà Trương Thị Kim A xin ly hôn với ông Trần T là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà A được ly hôn với ông T; Về con chung: Bà A trực tiếp nuôi con chung nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung nhằm đảm bảo quyền lợi cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành và ông T không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về án phí: Bà A phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trương Thị Kim A yêu cầu ly hôn với ông Trần T, bị đơn cư trú tại huyện Đất Đỏ, thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điều 227, 228; điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo luật định.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quA hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Kim A và ông Trần T tự nguyện chung sống từ năm 2013 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 33, ngày 13/02/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà A thì trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm, ông T thường xuyên cờ bạc, không chăm lo gia đình dù bà A nhiều lần khuyên nhủ nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay; vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể duy trì cuộc hôn nhân này được nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà Điệp, tại thông báo có nêu rõ yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà bà A đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để ông trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà A; cũng như thông báo để ông T tham gia các phiên hòa giải nhưng ông đều vắng mặt không có lý do. Như vậy lời khai của bà A về việc gia đình mâu thuẫn, không có hạnh phúc là có cơ sở. Việc ông T không đến Tòa án để làm việc, để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm đã chứng minh bà không còn quA tâm đến hạnh phúc gia đình, tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[2.2] Về con chung: Ông bà có 2 con chung là Trần H, sinh ngày 28/3/2016 và Trần Kim T1, sinh ngày 29/8/2018 đAg do bà A trực tiếp nuôi dưỡng nên chấp nhận yêu cầu của bà A được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến tuổi trưởng thành.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 227, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị Kim A được ly hôn với ông Trần T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần H, sinh ngày 28/3/2016 và Trần Kim Tuyến, sinh ngày 29/8/2018 cho bà Trương Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly hôn đến khi trưởng thành (18 tuổi), ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Kim A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số TU/2019/0004639 ngày 14/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà A đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAD tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi cục THA DS huyện Đất Đỏ;
-UBND thị trấn Phước Hải;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

TRẦN THỊ MỸ DUNG